

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1241/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 14 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Phú Yên
giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Chăn nuôi năm 2018;

Căn cứ Luật Thú y năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045;

Căn cứ Quyết định số 1368/QĐ-BNN-CN ngày 01/4/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 và Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 18/8/2021 của Tỉnh ủy Phú Yên xây dựng Chương trình hành động về tập trung đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, phát triển sản phẩm theo chuỗi, tạo ra các sản phẩm chủ lực, có chất lượng, giá trị kinh tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT (tại Tờ trình số 225/TTr-SNN ngày 10/9/2021).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045, gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát huy tiềm năng, lợi thế của các vùng sinh thái để phát triển chăn nuôi toàn diện, hiệu quả bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với phát triển các chuỗi giá trị, nâng cao giá trị gia tăng, bảo đảm an toàn sinh học, dịch bệnh, môi trường và an toàn thực phẩm, đổi xử nhân đạo với vật nuôi, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

2. Phát triển ngành chăn nuôi theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời đẩy mạnh chăn nuôi hữu cơ, chăn nuôi truyền thống theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao, an toàn. Đưa chăn nuôi và gây nuôi chim yến vào các vùng đã được quy hoạch.

3. Tăng cường nghiên cứu khoa học, thích nghi và ứng dụng có chọn lọc các thành tựu khoa học công nghệ nhằm nâng cao sức cạnh tranh ngành chăn nuôi.

4. Tập trung phát triển những loài vật nuôi chủ lực của tỉnh như: Bò, heo, gia cầm, ngoài ra cần chú ý các lợi thế phát triển như: Dê, cừu, hươu, nai và dẫn dụ, gây nuôi chim yến. Chú trọng phát triển chăn nuôi trang trại, chăn nuôi nông hộ bền vững. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi phù hợp với kinh tế thị trường, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng để mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

a) Phát triển chăn nuôi tại các vùng chăn nuôi tập trung đã được phê duyệt, chăn nuôi công nghiệp theo hướng hiện đại, gắn với phát triển công nghiệp chế biến, thích ứng với biến đổi khí hậu và kết nối với chuỗi giá trị. Phát triển bền vững và nâng cao sức cạnh tranh của ngành chăn nuôi.

b) Sản phẩm chăn nuôi hàng hóa được sản xuất chủ yếu trong các trang trại, hộ chăn nuôi tập trung đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường, đối xử nhân đạo với vật nuôi, đáp ứng yêu cầu chất lượng, an toàn thực phẩm cho tiêu dùng trong nước. Chăn nuôi gắn bảo vệ môi trường, sinh thái và nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi.

c) Góp phần thực hiện hoàn thành các mục tiêu đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 và Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 18/8/2021 của Tỉnh ủy Phú Yên; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, thúc đẩy cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên lĩnh vực chăn nuôi theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Phân đầu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất: Giai đoạn 2021-2025 đạt bình quân 5,0%/năm; giai đoạn 2026-2030 đạt bình quân 4,2%/năm.

b) Sản lượng thịt hơi các loại: Đến năm 2025 đạt khoảng 61.000 tấn, trong đó cơ cấu tỷ trọng sản lượng thịt heo chiếm trên 30%, thịt gia cầm trên 32%, thịt gia súc ăn cỏ chiếm trên 33%; đến năm 2030 đạt trên 69.000 tấn, trong đó: Thịt heo chiếm tỷ trọng khoảng 40%, thịt gia cầm khoảng 28%, thịt gia súc ăn cỏ 32%.

c) Sản lượng trứng, sữa: Đến năm 2025 đạt khoảng 343,5 triệu quả trứng và hơn 26 ngàn tấn sữa; đến năm 2030 đạt khoảng 350 triệu quả trứng và ổn định trên 30 ngàn tấn sữa.

d) Tỷ trọng gia súc được giết mổ tập trung công nghiệp: Khoảng 60% vào năm 2025 và 70% vào năm 2030.

e) Tỷ trọng gia cầm được giết mổ tập trung công nghiệp: Khoảng 40% vào năm 2025 và 50% vào năm 2030.

g) Sản lượng tổ yến: Đến năm 2025 đạt khoảng 10 tấn; đến năm 2030 khoảng 15 tấn.

h) Tỷ lệ giá trị sản phẩm chăn nuôi được sản xuất theo quy trình sản xuất tốt (GAP) đạt 30% vào năm 2025 và 40% năm 2030.

i) Tỷ lệ giá trị sản phẩm chăn nuôi được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt 35% năm 2025 và 55% năm 2030.

k) Xây dựng vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh: Phần đầu đến năm 2025 được ít nhất 02 vùng cấp xã, đến năm 2030 được ít nhất 01 vùng cấp huyện.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2045

1. Định hướng phát triển chăn nuôi đến năm 2030:

Thực hiện chủ trương cơ cấu lại ngành chăn nuôi, theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển chăn nuôi bền vững, chuyển dịch chăn nuôi nông hộ, nhỏ lẻ, thiếu an toàn sinh học và môi trường sang chăn nuôi tập trung, trang trại, công nghiệp; tập trung vào các vật nuôi chủ lực như: Bò, heo và gia cầm. Chú trọng xây dựng và triển khai các sản phẩm chăn nuôi chủ lực của tỉnh.

Rà soát chuyển diện tích đất ở những nơi phù hợp và diện tích đất nông nghiệp hiệu quả thấp đưa vào quy hoạch đồng thời hoàn thành việc lập Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện để phát triển chăn nuôi, giết mổ, chế biến sản phẩm, đảm bảo giảm thiểu ô nhiễm môi trường, an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học và nâng cao hiệu quả chăn nuôi. Ưu tiên cho thuê đất với chính sách ưu đãi trong vùng phát triển chăn nuôi, cơ sở giết mổ tập trung, chế biến trong lĩnh vực chăn nuôi.

Tất cả các trang trại chăn nuôi, chế biến và giết mổ gia súc, gia cầm phải áp dụng quy trình sản xuất sạch và tái sử dụng chất thải.

a) Chăn nuôi bò:

- Đến năm 2025 đàn bò đạt trên 240 ngàn con, (trong đó: Đàn bò sữa khoảng 5 ngàn con; duy trì tỷ lệ bò lai ổn định trong tổng đàn là 75%; nâng trọng lượng bò trưởng thành đạt trên 300 kg/con, tỷ lệ thịt xẻ 50-55%; chăn nuôi thâm canh chuyên thịt và áp dụng quy trình vỗ béo trước khi giết thịt.

- Chú trọng nâng cao giá trị gia tăng cho thịt bò thông qua các sản phẩm bò một nắng và xây dựng và phát triển các thương hiệu bò một nắng đã được chứng nhận.

- Tạo điều kiện để phát triển đàn bò sữa của tỉnh, gắn sản xuất và chế biến sữa, chú trọng việc phát triển vùng nguyên liệu làm thức ăn cho bò.

b) Chăn nuôi heo: Đến năm 2025 tổng đàn heo đạt 180 ngàn con và đến năm 2030 đạt ổn định 220 ngàn con. Nâng cao chất lượng đàn đực giống; tăng tỷ lệ heo lai hướng nạc và phát triển các giống có tỷ lệ máu ngoại hơn 90%. Chuyển giao các tiến bộ khoa học công nghệ, kỹ thuật tiên tiến trong chăn nuôi, từng bước thực hiện quy trình chăn nuôi tốt nhằm đảm bảo năng suất, chất lượng và an toàn thực phẩm. Phát triển các trang trại chăn nuôi liên kết với doanh nghiệp cung cấp giống, thức ăn và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Đối với chăn nuôi nông hộ hướng tới chăn nuôi an toàn sinh học và đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn dịch bệnh.

Chú trọng phát triển và đầu tư chăn nuôi heo vào các vùng chăn nuôi tập trung. Ưu tiên cho các huyện có mật độ chăn nuôi còn thấp và có lợi thế về đất đai như các địa phương: Phú Hòa, Tây Hòa và Tuy An. Làm tốt công tác thẩm định và cấp chủ trương đầu tư đối với các dự án chăn nuôi heo.

c) Chăn nuôi gia cầm:

- Đến năm 2025, tổng đàn gia cầm đạt 5,5 triệu con; trong đó đàn gà khoảng 3 triệu con. Nâng cao tỷ lệ giống gà thuần thả vườn và giống vịt thuần trong cơ cấu tổng đàn. Tiếp tục hoàn thiện và áp dụng các quy trình kỹ thuật chăn nuôi an toàn

sinh học, ưu tiên sử dụng thức ăn chủ yếu từ nguyên liệu sản xuất trong tỉnh, chú trọng công tác phòng chống dịch bệnh và xử lý môi trường.

- Xây dựng vùng chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học, đẩy mạnh việc liên kết trong chăn nuôi gia cầm, khuyến khích chăn nuôi gia cầm theo tiêu chuẩn VietGAP.

d) Gây nuôi chim yến: Phát triển nuôi chim yến phù hợp với quy hoạch của tỉnh, đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y và môi trường sinh thái, xây dựng thương hiệu yến sào Phú Yên, bảo vệ và phát triển đàn yến với tổng đàn chim yến đến cuối năm 2025 khoảng trên 220 ngàn con.

e) Đa dạng hóa các vật nuôi còn tiềm năng phát triển, thích hợp với điều kiện sinh thái của tỉnh như: Trâu, dê, cừu, hươu, nai... và các vật nuôi đặc sản khác. Chú trọng phát triển đàn trâu ở các vùng trũng thấp và đàn dê ở những vùng bán sơn địa thích ứng với biến đổi khí hậu: Đàn trâu đến năm 2030 đạt trên 12.000 con, đàn dê đạt trên 50.000 con.

g) Thức ăn chăn nuôi: Khuyến khích người chăn nuôi sử dụng các nguyên liệu sẵn có như: Rơm, lá sắn, mía, rỉ mật... để chế biến làm thức ăn chăn nuôi, mở rộng vùng nguyên liệu trồng cỏ và các loại cây trồng làm thức ăn cho gia súc nhai lại, duy trì nâng cấp các nhà máy chế biến thức ăn sẵn có tại địa phương. Kêu gọi các nhà đầu tư đầu tư vào lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

h) Kiểm soát dịch bệnh: Nâng cao năng lực kiểm soát dịch bệnh, không chế các dịch bệnh nguy hiểm ảnh hưởng đến đàn vật nuôi và những dịch bệnh có nguy cơ lây sang người, bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao trong và ngoài tỉnh.

i) Giết mổ và chế biến sản phẩm chăn nuôi: Nâng cao năng lực vận chuyển, giết mổ tập trung các loại vật nuôi theo hướng hiện đại, đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và đối xử nhân đạo với vật nuôi; phát triển thêm công nghiệp chế biến, đa dạng hóa sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm chăn nuôi.

- Kêu gọi đầu tư hoàn chỉnh các cơ sở giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh, đầu tư nâng cấp các cơ sở hiện có.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Tập đoàn TH đầu tư nhà máy chế biến sữa theo chủ trương đã phê duyệt.

k) Nâng cao năng lực kiểm soát chất lượng vật tư và an toàn thực phẩm sản phẩm chăn nuôi, đặc biệt là vấn đề kiểm soát ô nhiễm vi sinh vật, tồn dư chất cấm, lạm dụng kháng sinh và hóa chất trong chăn nuôi, thú y, giết mổ, chế biến thực phẩm.

l) Nâng cao năng lực quản lý ngành chăn nuôi, kiểm soát môi trường trong chăn nuôi, giết mổ và chế biến sản phẩm chăn nuôi đáp ứng các quy định của pháp luật về môi trường. Tất cả các cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ, cơ sở chế biến sản phẩm chăn nuôi phải có giải pháp kiểm soát, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và sử dụng có hiệu quả nguồn chất thải cho nhu cầu trồng trọt, nuôi trồng thủy sản...

2. Tầm nhìn đến năm 2045:

- Trình độ và năng lực sản xuất ngành chăn nuôi của tỉnh thuộc nhóm trung bình khá của các tỉnh khu vực Nam Trung bộ và Tây nguyên.

- Không chế và kiểm soát tốt các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ở vật nuôi và các bệnh từ vật nuôi lây nhiễm sang người.

- Hầu hết sản phẩm chăn nuôi chính, bao gồm: Thịt, trứng, sữa được sản xuất trong các cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học và thân thiện với môi trường.

- 100% sản phẩm thịt gia súc, gia cầm hàng hóa được cung cấp từ các cơ sở giết mổ tập trung, công nghiệp và trên 50% khối lượng sản phẩm chăn nuôi chính được qua sơ chế, chế biến, trong đó khoảng 20% được chế biến sâu.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Xây dựng, hoàn thiện các nhóm chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển chăn nuôi:

- Tích hợp các quy hoạch cho chăn nuôi kể cả giết mổ vào quy hoạch chung của tỉnh; rà soát, lựa chọn vùng đất phù hợp để phát triển chăn nuôi, giết mổ, chế biến sản phẩm, đảm bảo giảm thiểu ô nhiễm môi trường, an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học và nâng cao hiệu quả chăn nuôi. Ưu tiên cho thuê đất với chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai cho các cơ sở giống, cơ sở chăn nuôi trang trại tập trung đủ điều kiện chăn nuôi an toàn sinh học trong vùng phát triển chăn nuôi, cơ sở giết mổ tập trung, chế biến trong lĩnh vực chăn nuôi.

- Chuyển diện tích đất ở những nơi phù hợp và diện tích đất nông nghiệp hiệu quả thấp sang thâm canh trồng cỏ và nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi.

- Tiếp tục thực hiện công tác quản lý giống vật nuôi; làm tốt công tác bình tuyển, loại thải và thay thế đàn giống vật nuôi trong sản xuất. Hỗ trợ con giống phát triển chăn nuôi đối với vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn.

- Chính sách áp dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học trong sản xuất chăn nuôi, sản phẩm chăn nuôi và chế biến thức ăn chăn nuôi.

- Chính sách đầu tư hạ tầng, hỗ trợ xây dựng các chợ đầu mối, giới thiệu, tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách, ưu đãi thuế đối với hoạt động trong các lĩnh vực của ngành chăn nuôi nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học hoặc cơ sở giết mổ, bảo quản chế biến gia súc, gia cầm tập trung, phát triển chăn nuôi công nghệ hiện đại, toàn diện, đồng bộ; rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan nhằm thu hút, khuyến khích đầu tư hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ phát triển chăn nuôi hiện đại, theo chuỗi khép kín, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của ngành chăn nuôi.

- Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ của nhà nước về chăn nuôi.

- Có chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các dự án đầu tư phát triển chăn nuôi, giết mổ, bảo quản, chế biến công nghiệp các sản phẩm chăn nuôi. Các ngân hàng thương mại tạo điều kiện cho vay đầu tư dự án phát triển giống vật nuôi, cơ sở giết mổ, bảo quản chế biến sản phẩm chăn nuôi theo hướng công nghiệp, cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y áp dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sinh học.

- Triển khai thực hiện chính sách bảo hiểm vật nuôi nhằm hạn chế thấp nhất rủi ro về thiên tai, dịch bệnh, thị trường...

- Ưu tiên kêu gọi đầu tư các dự án phát triển chăn nuôi theo chuỗi từ thức ăn, con giống, giết mổ, chế biến, tiêu thụ, tái tuần hoàn các chất thải trong chăn nuôi.

- Tổ chức lại hệ thống tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi gắn với các chuỗi liên kết. Thực hiện các chương trình bình ổn, xúc tiến thương mại ưu tiên tạo điều kiện thuận lợi cho việc giới thiệu và tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi có thương hiệu, gắn với các chuỗi liên kết, có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho người chăn nuôi.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng chợ đầu mối, trung tâm đầu giá, sàn giao dịch thương mại điện tử nhằm giới thiệu, quảng bá, đầu giá giống vật nuôi và sản phẩm chăn nuôi.

- Đẩy mạnh chương trình khuyến nông chăn nuôi theo chuỗi khép kín, kinh tế tuần hoàn, bảo đảm người chăn nuôi có thể làm chủ được kỹ thuật để sản xuất sản phẩm chăn nuôi an toàn và hiệu quả, chuyển giao quy trình, công nghệ chăn nuôi cho nông hộ, trang trại phù hợp với từng đối tượng vật nuôi và vùng sinh thái.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người chăn nuôi hiểu và áp dụng các chủ trương chính sách cũng như quyền và nghĩa vụ của người chăn nuôi, đa dạng hóa các chương trình truyền thông nhằm từng bước thay đổi nhận thức và các thói quen không phù hợp trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến và tiêu dùng sản phẩm chăn nuôi.

2. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường:

- Triển khai có hiệu quả việc xây dựng, hoàn chỉnh các kế hoạch phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi, chú trọng công tác kiểm soát các loại dịch bệnh nguy hiểm và dịch bệnh mới nổi, chủ động trong công tác phòng, chống dịch bệnh.

- Triển khai chiến lược bảo vệ môi trường bền vững theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh.

- Phối hợp giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người chăn nuôi triển khai xây dựng cơ sở, vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường nhất là ở các vùng chăn nuôi hàng hóa trọng điểm, vùng sản xuất nguyên liệu phục vụ xuất khẩu.

- Đầu tư nâng cấp, xây dựng mới và hoàn thiện hệ thống kiểm dịch động vật trong đó chú trọng kiểm dịch đầu mối giao thông; thiết lập hệ thống nhận dạng và truy xuất nguồn gốc động vật.

- Phát triển công nghệ chuồng trại hiện đại phù hợp với từng loại vật nuôi và loại hình chăn nuôi đáp ứng yêu cầu sinh trưởng, phát triển vật nuôi và bảo vệ môi trường.

- Phát triển các loại công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi gắn với sản xuất phân bón hữu cơ, chế biến chế phẩm nuôi trồng thủy sản... góp phần thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong chăn nuôi.

3. Ứng dụng khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế:

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và công nghệ hiện đại trong quản lý nhà nước và quản trị sản xuất trên lĩnh vực chăn nuôi.

- Tăng cường đầu tư và xã hội hóa hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ trong chăn nuôi, thú y theo hướng kết hợp nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng, trong đó, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ vào sản xuất. Ưu tiên, khuyến khích nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ

sinh học vào lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, sản xuất vắc xin, nhận dạng, truy xuất động vật, giết mổ, chế biến, phòng, chống dịch bệnh và xử lý môi trường chăn nuôi.

- Áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong quản lý và kiểm soát chất lượng sản phẩm chăn nuôi trong tỉnh đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước; đầu tư và xã hội hóa đầu tư hoàn thiện hệ thống khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, đánh giá, công nhận sự phù hợp chất lượng giống, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi nhằm đưa nhanh giống mới, vật tư chăn nuôi, thú y có chất lượng tốt phục vụ sản xuất.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, đào tạo và thương mại về chăn nuôi, thú y với các nước, vùng lãnh thổ có tiềm năng về khoa học công nghệ và thị trường với Việt Nam.

4. Nâng cao năng suất, chất lượng giống vật nuôi:

- Tiếp tục chương trình cải tiến nâng cao tầm vóc đàn bò theo hướng Zebu hóa và nâng cao tỷ lệ bò thịt cao sản trên cơ sở duy trì và phát triển mạng lưới thụ tinh nhân tạo, đồng thời sử dụng bò đực giống tốt đã qua chọn lọc cho nhân giống ở những nơi chưa có điều kiện triển khai biện pháp thụ tinh nhân tạo.

- Làm tốt công tác giống chú trọng tạo đàn cái nền và đực giống tốt cung cấp cho nhu cầu cải tiến, nâng cao chất lượng đàn giống. Lưu ý công tác theo dõi, ghi chép và đảo đực giống tránh tình trạng cận huyết và phát huy hiệu quả ưu thế lai.

- Quản lý giống heo, giống gia cầm theo mô hình tháp giống: Chọn lọc nâng cao, cải tiến năng suất, chất lượng giống heo, gia cầm bản địa có nguồn gen quý, hiếm làm nguyên liệu lai tạo với các giống cao sản; xây dựng và sử dụng các công thức lai giống phù hợp cho từng vùng sản xuất, phương thức chăn nuôi và phân khúc thị trường bảo đảm có số lượng sản phẩm đủ lớn và đồng nhất về chất lượng; mở rộng mạng lưới thụ tinh nhân tạo heo. Đối với heo đực giống phải có nguồn gốc, lý lịch rõ ràng và tiêu chuẩn hoá các cơ sở, chất lượng heo đực giống; đực giống sử dụng trong các cơ sở khai thác tinh phục vụ công tác thụ tinh nhân tạo nhất thiết phải được kiểm tra năng suất trước khi khai thác và kinh doanh tinh heo thương phẩm.

5. Nâng cao chất lượng, hạ giá thành thức ăn chăn nuôi:

- Tăng cường công tác kiểm soát chất lượng, nhất là các chỉ tiêu an toàn đối với thức ăn chăn nuôi; sử dụng các giải pháp nâng cao giá trị dinh dưỡng, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư áp dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học nhằm sản xuất nhanh các chế phẩm sinh học thay thế kháng sinh, hóa chất sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thay thế nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

- Khuyến khích phát triển các mô hình chế biến các loại thức ăn hỗn hợp tự phối trộn, thức ăn cho chăn nuôi hữu cơ bằng công nghệ, thiết bị nghiền trộn nhỏ và cơ động phù hợp với loại hình chăn nuôi nông hộ, hợp tác xã; mô hình thâm canh trồng cỏ, ngô sinh khối... kết hợp công nghệ chế biến thức ăn thô xanh hỗn hợp, thức ăn ủ chua để chăn nuôi và vỗ béo các loại gia súc ăn cỏ.

6. Nâng cao năng lực giết mổ và chế biến sản phẩm chăn nuôi:

- Tổ chức lại hệ thống giết mổ và chế biến gia súc, gia cầm theo hướng tập trung, công nghiệp gắn với vùng chăn nuôi hàng hóa, bảo đảm yêu cầu về vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và đối xử nhân đạo với vật nuôi.

- Cùng với các chính sách khuyến khích phát triển hoạt động giết mổ tập trung, công nghiệp cần tăng cường các biện pháp quản lý đối với công tác giết mổ, nhất là các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ, thủ công không bảo đảm vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm.

- Khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến, chế biến sâu các sản phẩm chăn nuôi nhằm đa dạng hóa và nâng cao giá trị sản phẩm chăn nuôi phù hợp với nhu cầu của thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

7. Tăng cường năng lực quản lý nhà nước ngành chăn nuôi, thú y:

- Kiện toàn, tăng cường năng lực tổ chức bộ máy và cơ chế, chính sách quản lý ngành chăn nuôi, thú y đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả theo đúng quy định của Luật Thú y; chủ trương của Đảng và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án tăng cường năng lực hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y các cấp trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2021-2030 theo Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh.

- Tiếp tục đào tạo nâng cao năng lực quản lý nhà nước cho cán bộ chăn nuôi, thú y các cấp, nhất là hệ thống chăn nuôi thú y cấp xã. Đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ gắn với hoạt động khuyến nông. Chú trọng đào tạo kỹ năng quản trị, kỹ thuật chăn nuôi, quản lý dịch bệnh và an toàn thực phẩm cho người chăn nuôi thông qua các chương trình dạy nghề, hoạt động khuyến nông.

- Hoạt động chăn nuôi, thú y là hoạt động sản xuất, kinh doanh có điều kiện, cơ sở có hoạt động chăn nuôi, thú y phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về môi trường, an toàn sinh học và đối xử nhân đạo với vật nuôi.

- Xã hội hóa các dịch vụ công về chăn nuôi, thú y để mọi thành phần kinh tế có đủ điều kiện có thể tham gia nhằm công khai, minh bạch các hoạt động quản lý, giảm áp lực về biên chế, ngân sách nhà nước và cung cấp cho người dân chất lượng dịch vụ tốt nhất.

8. Phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành chăn nuôi:

- Khuyến khích phát triển và ứng dụng công nghiệp cơ khí, hóa chất và công nghệ sinh học để cung cấp các thiết bị chuồng trại, giết mổ, chế biến, các loại hóa chất, chế phẩm sinh học thay thế nguồn cung từ bên ngoài.

- Khuyến khích phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong quản lý ngành và quản trị hoạt động kinh doanh chăn nuôi, nhất là các phần mềm tin học phù hợp với đặc thù của chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ và chăn nuôi nông hộ.

9. Đổi mới tổ chức sản xuất:

- Tổ chức sản xuất các ngành hàng sản phẩm chăn nuôi theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại và hiệu quả gắn với các chuỗi liên kết, cần phát huy vai trò chủ đạo của doanh nghiệp, hiệp hội và hợp tác xã. Trong đó Hội, Hiệp hội phải thực sự là đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên, là đầu mối tạo diễn đàn kết nối các nhà quản lý, khoa học, doanh nghiệp và người chăn nuôi trong nước và quốc tế.

- Thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn lớn đủ khả năng đầu tư vào ngành chăn nuôi theo chuỗi khép kín và hỗ trợ, dẫn dắt người chăn nuôi sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường. Chú trọng củng cố và phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới trong

lĩnh vực chăn nuôi làm cầu nối giữa các nông hộ, trang trại với các doanh nghiệp lớn và thị trường.

- Tổ chức lại chăn nuôi nông hộ theo hướng hữu cơ, an toàn sinh học, hạn chế ô nhiễm môi trường với quy mô phù hợp để đảm bảo sinh kế cho người nông dân, tiến tới lâu dài là giảm bớt hình thức chăn nuôi nông hộ. Thực hiện khai báo chăn nuôi ban đầu với UBND cấp xã để kiểm soát tình hình dịch bệnh, nắm bắt tổng đàn, khuyến cáo chăn nuôi. Thực hiện tốt quy định khu vực không được phép chăn nuôi trong nội thành, nội thị và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra ngoài khu vực không được phép chăn nuôi.

10. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về phát triển chăn nuôi:

- Tiếp tục tổ chức tập huấn, tuyên truyền Luật Chăn nuôi, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chăn nuôi, chiến lược phát triển chăn nuôi; quy định về mật độ chăn nuôi, quy định vùng không được phép chăn nuôi trong khu vực nội thành, nội thị trên địa bàn tỉnh; quản lý, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với cơ sở chăn nuôi quy mô lớn.

- Thông tin, tuyên truyền phổ biến các chủ trương, cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh, ngành; quán triệt sâu sắc cho toàn thể cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ trực tiếp làm việc, tiếp xúc với người chăn nuôi để tuyên truyền, hướng dẫn người chăn nuôi hiểu, đồng thuận tổ chức thực hiện.

- Thực hiện nghiêm túc việc thống kê, tổng hợp số liệu biến động đàn vật nuôi, dữ liệu ngành chăn nuôi theo quy định của Luật Chăn nuôi và hướng dẫn tại Thông tư số 20/2019/TT-BNNPTNT ngày 22/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

V. CÁC ĐỀ ÁN ƯU TIÊN

1. Đề án phát triển sản phẩm chủ lực từ bò và sản phẩm của bò.
2. Đề án phát triển sản xuất giống vật nuôi và thức ăn chăn nuôi.
3. Đề án phát triển công nghiệp chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi.
4. Đề án xây dựng các cơ sở giết mổ gia súc gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Phú Yên (sửa đổi bổ sung Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của UBND tỉnh).

5. Đề án xây dựng cơ sở chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGahp (sửa đổi bổ sung Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của UBND tỉnh).

6. Đề án nâng cao nguồn nhân lực, đẩy mạnh hoạt động khoa học-công nghệ, khuyến nông trong chăn nuôi và tăng cường năng lực quản lý nhà nước ngành chăn nuôi.

7. Dự án khu sản xuất giống vật nuôi (gia súc, gia cầm) ứng dụng công nghệ cao tại Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh.

8. Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng vùng chăn nuôi tập trung trên địa bàn huyện Tây Hòa.

9. Dự án xây dựng nhà máy thức ăn hỗn hợp cho gia súc, gia cầm.

10. Đề án xây dựng vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh trên địa bàn tỉnh.

VI. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Huy động nguồn vốn:

- a) Nguồn ngân sách nhà nước cấp theo quy định.

b) Lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu, chương trình, kế hoạch, dự án khác.

c) Nguồn vốn vay ưu đãi, vốn ODA (nếu có).

d) Tổ chức, cá nhân đầu tư và các nguồn vốn huy động khác.

2. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư chăn nuôi:

a) Ngân sách nhà nước ưu tiên đầu tư cho phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực quản lý ngành chăn nuôi, thú y; kiểm soát dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm; bảo tồn và phát triển nguồn gen giống vật nuôi bản địa, quý, hiếm; dự trữ sản phẩm chăn nuôi thiết yếu phù hợp với từng thời kỳ.

b) Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước đầu tư vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực chăn nuôi và thú y, chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi theo quy định của pháp luật.

3. Khái toán tổng kinh phí, nguồn kinh phí và phân kỳ thực hiện kế hoạch:

(chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và PTNT:

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Quyết định này; đề xuất cơ chế, chính sách, huy động nguồn vốn.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về chăn nuôi thú y; kiểm tra, giám sát, tuyên truyền, tập huấn các nội dung liên quan đến Kế hoạch: Luật Chăn nuôi; Luật Thú y; các Nghị định, các Thông tư...; các tiêu chuẩn, quy chuẩn ngành, lĩnh vực quản lý.

- Chủ trì tham mưu xây dựng và triển khai các đề án theo Quyết định.

- Tổng hợp, sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện hàng năm, giai đoạn, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT; đề xuất điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định khi cần thiết.

2. Sở Tài chính: Trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT và căn cứ khả năng ngân sách của tỉnh, tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí thường xuyên cho đơn vị để thực hiện Quyết định theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Ưu tiên bố trí vốn ngân sách nhà nước cho ngành nông nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên lĩnh vực chăn nuôi, thú y.

- Tham gia, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố đề xuất, bổ sung cơ chế, chính sách thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế ngoài nhà nước cho lĩnh vực chăn nuôi, thú y.

4. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ban, ngành liên quan rà soát, điều chỉnh, bổ sung, tham mưu UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật; xã hội hóa nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ để thực hiện Quyết định.

- Hỗ trợ, hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi đăng ký xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu và thụ hưởng chính sách theo quy định.

5. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo nghề cho nông dân phù hợp với yêu cầu sản xuất của từng vùng theo nội dung Quyết định.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các ngành liên quan chỉ đạo quản lý, xây dựng kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất cho phát triển chăn nuôi đáp ứng các quy định của Luật Chăn nuôi, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp về lĩnh vực đất đai để đầu tư sản xuất, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định xây dựng, chăn nuôi và môi trường để không ảnh hưởng mùi đến các đối tượng xung quanh.

7. Sở Công Thương:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai các chính sách, giải pháp thúc đẩy thị trường, xúc tiến thương mại cho sản phẩm chăn nuôi.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm chăn nuôi, phát triển công nghiệp chế biến, thiết lập mạng lưới phân phối và tìm kiếm thị trường nhằm đảm bảo tính bền vững trong sản xuất.

8. Đề nghị UBND TỈNH, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội: Theo chức năng, nhiệm vụ được phân công tích cực phối hợp với các ngành chức năng và địa phương tổ chức tuyên truyền, vận động hội viên, người chăn nuôi thực hiện tốt các nội dung của Quyết định này.

9. UBND các huyện, thị xã, thành phố: Căn cứ nội dung Quyết định này, xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn 2045 phù hợp với điều kiện thực tiễn nhằm khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; định kỳ hàng năm, giai đoạn có báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Lao động-Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Hữu Thế

Phụ lục I
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI ĐẾN NĂM 2025 VÀ 2030
(Kèm theo Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Phú Yên)

STT	HẠNG MỤC	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2030
A	B	C	1	2	3
I	Tổng đàn gia súc, gia cầm				
1.	Gia súc				
1.1	Đàn Trâu	Con	6.300	10.000	12.000
	+ Trong đó tỷ lệ đàn trâu nuôi trang trại	%	3,9	9,0	15
1.2	Đàn Bò	Con	180.000	240.000	250.000
	- Bò sữa	Con	800	5.000	5.000
	+ Trong đó tỷ lệ đàn bò sữa nuôi trang trại	%	100	100	100
	- Bò thịt	Con	172.450	235.000	245.000
	+ Trong đó tỷ lệ đàn bò thịt nuôi trang trại	%	0,5	4,0	10
1.3	Đàn heo (tổng số)	Con	120.016	180.000	220.000
	Heo sinh sản	Con	8.890	11.700	26.400
	+ Trong đó tỷ lệ đàn heo nuôi trang trại	%	62,6	66,6	70,0
1.4	Dê, cừu	Con	10.000	20.000	50.000
	+ Trong đó tỷ lệ đàn dê, cừu nuôi bán công nghiệp kết hợp chăn thả có kiểm soát	%	30	40	50
1.5	Nai	Con	7	40	80
2.	Gia cầm				
2.1	- Đàn gà	Con	3.329.000	3.300.000	3.200.000
	+ Trong đó tỷ lệ đàn gà nuôi trang trại	%	6,9	8,0	10
2.2	- Đàn thủy cầm, chim cút	Con	2.128.000	2.200.000	2.300.000
	+ Trong đó tỷ lệ đàn vịt nuôi trang trại	%	21,1	25	30
II	Sản lượng gia súc, gia cầm				
1	Sản lượng thịt hơi				
	Thịt heo	Tấn	15.109	21.000	28.000
	Thịt trâu	Tấn	265	403	484
	Thịt bò	Tấn	17.200	21.000	25.000
	Thịt gia súc ăn cỏ khác	Tấn	392	440	500
	Thịt gia cầm các loại	Tấn	15.283	17.500	19.000
3	Sản lượng sản phẩm khác				
	- Trứng	Triệu quả	300.000	343.500	350.000
	- Sữa	Tấn	0	26.280	30.000

	- Sản lượng tổ yến	Tấn	2	10	15
5	Tỷ trọng gia súc, gia cầm được giết mổ tập trung công nghiệp				
	- Gia súc	%		60	70
	- Gia cầm	%		40	50
6	Tỷ trọng thịt gia súc, gia cầm được chế biến so với tổng sản lượng thịt	%		15	20
7	Xây dựng vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh	Vùng	0	1	2

Phụ lục II
KHAI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN,
DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Phú Yên)

DVT: Triệu đồng

STT	TÊN ĐỀ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	Thời gian thực hiện	DỰ KIẾN VỐN ĐẦU TƯ			DỰ KIẾN PHÂN KỲ ĐẦU TƯ					
			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Giai đoạn 2021-2025			Giai đoạn 2026-2030		
				Vốn nhà nước	Vốn đóng góp của dân, tổ chức, DN; thu hút đầu tư ngoài ngân sách	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn	
							Vốn nhà nước	Vốn đóng góp của dân, tổ chức, DN; thu hút đầu tư ngoài ngân sách		Vốn nhà nước	Vốn đóng góp của dân, tổ chức, DN; thu hút đầu tư ngoài ngân sách
I	ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN NSNN										
	Dự án Phát triển giống cây trồng và vật nuôi tỉnh Phú Yên	2021-2025	114.000	114.000		79.800	79.800		34.200	34.200	
II	DANH MỤC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ VỐN NSNN VÀ NGOÀI NSNN										
1	Xây dựng các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Phú Yên theo Đề án được duyệt (tại Quyết định 1337/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của UBND tỉnh).	2018 - 2030	157.000	33.000	124.000	74.000	24.000	50.000	74.000		74.000
2	Xây dựng cơ sở chăn nuôi gà và heo theo tiêu chuẩn VietGAHP	2019 - 2030	6.916	211	6.705	3.350		3.350	3.355		3.355

Phụ lục III
NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KINH PHÍ
THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN ƯU TIÊN

(Kèm theo Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Phú Yên)

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
1	Đề án phát triển sản phẩm chủ lực từ bò và sản phẩm của bò	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các sở, ngành, đơn vị liên quan	Đề án	2021-2025
2	Đề án Phát triển sản xuất giống vật nuôi và thức ăn chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các sở, ngành, đơn vị liên quan	Đề án	2021- 2025
3	Đề án Phát triển công nghiệp chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các sở, ngành, đơn vị liên quan	Đề án	2021-2025
4	Đề án xây dựng các cơ sở giết mổ gia súc gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Phú Yên (sửa đổi bổ sung Quyết định ngày 1337/QĐ-UBND ngày 04/7/2018).	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các sở, ngành, đơn vị liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	2021-2025
5	Đề án xây dựng cơ sở chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP (sửa đổi bổ sung Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 16/01/2019).	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các sở, ngành, đơn vị liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	2021-2025
6	Dự án khu sản xuất giống vật nuôi (gia súc, gia cầm) ứng dụng công nghệ cao tại khu NNUDCNC Phú Yên.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các sở, ngành, đơn vị liên quan	Dự án	2021-2025
7	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng vùng chăn nuôi tập trung trên địa bàn huyện Tây Hòa	UBND huyện Tây Hòa	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Dự án	2021-2025
8	Dự án xây dựng nhà máy thức ăn hỗn hợp cho gia súc, gia cầm	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Sở Công Thương; các sở, ngành, đơn vị liên quan	Dự án	2021-2025